

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

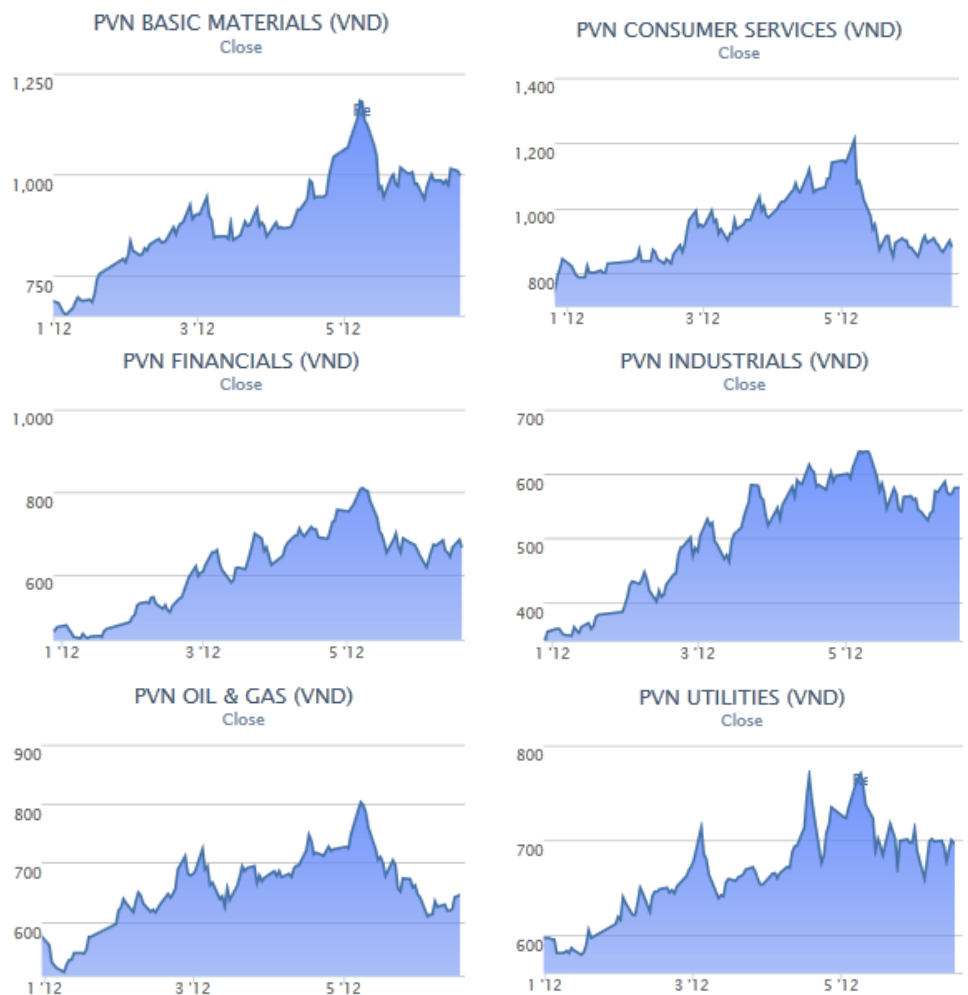


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	842.83	↓-18.45	↓-2.14
PVN All-Share Continuous	702.3	↓-14.29	↓-1.99
PVN All-Share	682.24	↓-13.45	↓-1.93
PVN All-Share HSX	720.22	↓-15.4	↓-2.09
PVN All-Share HNX	635.67	↓-11.53	↓-1.78
PVN Vật Liệu Cơ Bản	997.1	↓-11.59	↓-1.15
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	880.28	↓-21.13	↓-2.34
PVN Tài Chính	664.45	↓-19.35	↓-2.83
PVN Công Nghiệp	564.88	↓-13.88	↓-2.4
PVN Dầu Khí	634.6	↓-12.7	↓-1.96
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	686.86	↓-4.45	↓-0.64

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	431.10 ↓	-4.50	-1.03%
KLGD (triệu ck)	68.59 ↑	9.34	15.77%
GTGD (tỷ đồng)	1,151.29 ↑	250.87	27.86%
Tổng cung (triệu ck)	217.22 ↑	107.01	97.09%
Tổng cầu (triệu ck)	227.68 ↑	72.18	46.41%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	13.30 ↑	6.13	85.40%
KL bán (triệu ck)	12.64 ↑	5.06	66.72%
Giá trị mua (tỷ đồng)	378.10 ↑	219.51	138.42%
Giá trị bán (tỷ đồng)	356.78 ↑	193.11	117.99%

Nhận định thị trường:

Trong cuộc bầu cử ngày 17/06 vừa qua tại Hy Lạp, Đảng ủng hộ gói giải cứu Hy Lạp giành được nhiều phiếu bầu nhất. Kết quả này làm giảm bớt quan ngại về khả năng Hy Lạp rời EU, tuy nhiên tác động tích cực của tin này không nhiều và khó có thể kéo dài trong bối cảnh Tây Ban Nha đang trở thành điểm nóng mới với nguy cơ từ hệ thống ngân hàng. Hôm qua, lãi suất đi vay dài hạn ở nước này vọt lên trên ngưỡng 7%.

Tính đến ngày 30/4/2012, nợ xấu của toàn hệ thống tổ chức tín dụng khoảng 108,6 nghìn tỷ đồng, tăng 28,18 nghìn tỷ đồng (35%) với tốc độ tăng trung bình 8,6%/tháng, cao hơn so với mức tăng bình quân cùng kỳ năm trước. Theo phân tích của Thống Đốc NHNN, nợ xấu gia tăng do hai nguyên nhân chính: là tình hình kinh tế khó khăn ảnh hưởng tới khả năng trả nợ ngân hàng của các khách hàng, và việc xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ xấu của các tổ chức tín dụng cũng gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, nợ xấu tăng nhanh trong khi tín dụng đối với nền kinh tế giảm sút khiến cho tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ tăng mạnh hơn bình thường.

Tại thị trường Singapore - thị trường cung cấp nguồn xăng dầu nhập khẩu lớn nhất cho các đầu mối nhập xăng dầu VN, giá xăng A92 chỉ còn 105,62 USD/thùng trong phiên giao dịch gần nhất ngày 15-6. Theo tính toán từ 7/6 đến nay, với mức thuế nhập khẩu mới là 7% (áp dụng từ ngày 8-6), giá cơ sở đang thấp hơn giá bán lẻ khoảng 1.670 đồng/lít. Nhiều ý kiến cho rằng hiện nay hoàn toàn có khả năng giảm tiếp giá bán lẻ xăng dầu.

Công Ty CPCI Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Phiên thứ hai liên tiếp, NĐTNN đã giảm mạnh giao dịch trên hai sàn và hầu như không còn bán ròng. Mặc dù vậy, tổng giá trị giao dịch khớp lệnh trên của khối ngoại cũng giảm mạnh trong khi các giao dịch thỏa thuận tiếp tục duy trì mức cao trên cổ phiếu một số ngân hàng.

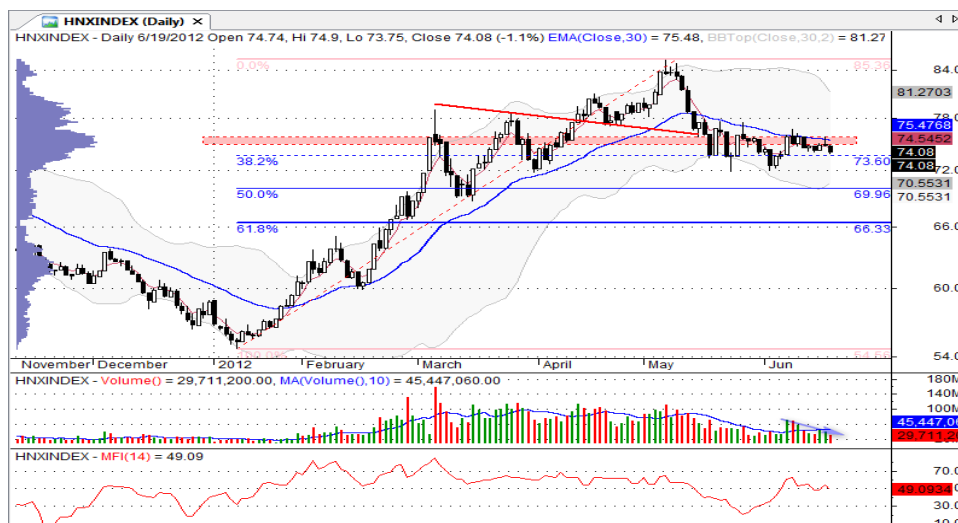
Thông tin về nợ xấu trong 4 tháng đầu năm có khả năng là một tác nhân tác động mạnh tới tâm lý thị trường, khiến áp lực bán giá thấp đột ngột tăng mạnh và phá vỡ trạng thái dao động ngang của các chỉ số trong thời gian trước đó. Phiên sắp tới, nếu chỉ số hai sàn tiếp tục giảm mạnh kèm theo sự sụt giảm của thanh khoản giống như phiên hôm nay thì đó là tín hiệu tương đối tiêu cực cho diễn biến trong ngắn hạn của thị trường. Trong kịch bản giảm điểm ngắn hạn của chỉ số hai sàn, các ngưỡng 411 điểm với VN-Index, 70 điểm với HNX-index hiện tại vẫn có tác dụng là một ngưỡng hỗ trợ cho chỉ số.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	74.10 ↓	-0.80	-1.07%
KLGD (triệu ck)	35.59 ↓	-12.20	-25.52%
GTGD (tỷ đồng)	371.63 ↓	-121.65	-24.66%
Tổng cung (triệu ck)	66.65 ↓	-16.20	-19.55%
Tổng cầu (triệu ck)	56.13 ↓	-8.94	-13.74%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.89 ↑	1.65	700.05%
KL bán (triệu ck)	1.85 ↑	1.36	280.86%
Giá trị mua (tỷ đồng)	19.73 ↑	16.07	438.40%
Giá trị bán (tỷ đồng)	19.82 ↑	13.39	207.99%



Đồ thị HNX-Index.

Thông tin về nợ xấu 4 tháng đầu năm mà báo giới phản ánh có thể là tác nhân tác động tiêu cực tới tâm lý thị trường trong phiên hôm nay, và có thể sẽ còn tác động tới thị trường trong vài phiên sắp tới.

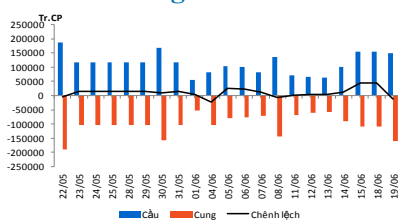
Diễn biến hôm nay cho thấy sức cầu đột ngột sụt giảm trong khi áp lực bán tăng dần, NĐTNN giảm mạnh lượng giao dịch trên thị trường. Theo đó, thanh khoản của HNX giảm trở lại mức kỉ lục (<30 triệu đơn vị) là một yếu tố không tích cực về mặt kĩ thuật. Các công cụ thể hiện dòng tiền như MFI cũng bắt đầu trạng thái đi xuống.

Theo diễn biến thị trường, HNX-Index đã lạng lã rời kháng cự 74 – 76 điểm với nguyên nhân là thiếu hụt dòng tiền trầm trọng. Nếu tâm lý thị trường ổn định, trạng thái tiếp theo của HNX sẽ vẫn là dao động. Trong trường hợp tiêu cực, dấu hiệu trên có thể dẫn tới một đợt giảm mạnh trong ngắn hạn.

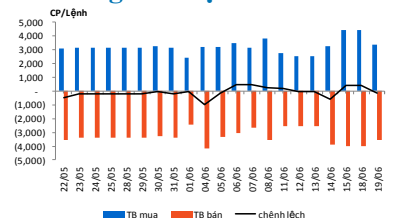
Về mặt kĩ thuật, HNX-index bắt đầu thể hiện sự tiêu cực, đặc biệt ở trạng thái thanh khoản sụt giảm về mức kỉ lục trong năm. Trong kịch bản giảm ngắn hạn, hỗ trợ của HNX-index ở mức 70 điểm sẽ phát huy tác dụng hỗ trợ chỉ số thị trường. NĐT nên có sự thận trọng trong giai đoạn hiện tại.

HSX:

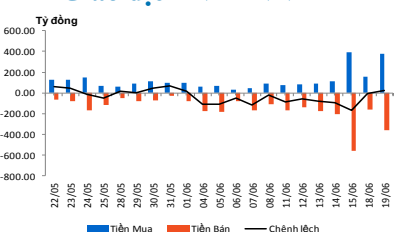
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán

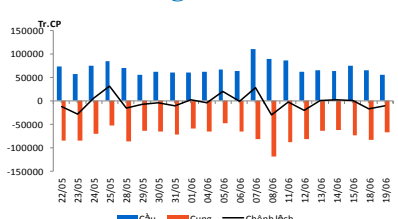


Giao dịch NĐTNN

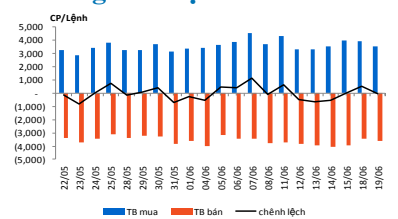


HNX:

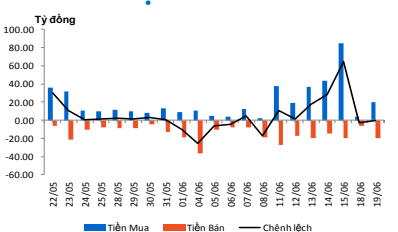
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

khép lại đợt khớp lệnh thứ nhất, VN-Index chỉ mất hơn 1.55 điểm, tương ứng 0.36% xuống 434.04 điểm. Giao dịch đạt vốn vện 1.3 triệu đơn vị, trị giá 18.37 tỷ đồng. Thị trường có 73 mã giảm giá, 23 mã tăng và 49 mã giao dịch với tham chiếu.

Việc MSN, GAS, EIB, STB, KBC, KDH cùng tăng giá nhẹ, BVH, VIC, VNM trở về mốc tham chiếu giúp VN-Index thu hẹp mức giảm còn 2.07 điểm, tức 0.48% tạm đóng cửa tại 433.52 điểm. Giao dịch đến hết buổi sáng chỉ đạt 22.24 triệu đơn vị, trị giá 350 tỷ đồng, giảm rất mạnh so với cùng kỳ phiên trước

Kết phiên, Thanh khoản của HOSE tăng vọt lên đến 68.58 triệu đơn vị, trị giá 1,151 tỷ đồng nhưng có đến 29.7 triệu đơn vị từ giao dịch thỏa thuận, tương đương 615.83 tỷ đồng, chiếm hơn 1/2 toàn sàn. Chỉ số VN-index 1.04% so với tham chiếu và chốt phiên tại 431.08 điểm.

Diễn biến thị trường Hà Nội:

Sàn HNX đảo chiều giảm ngay từ đầu phiên, tuy nhiên độ giảm không quá lớn chỉ xoay quanh mức 0.2% so với tham chiếu.

Kết thúc phiên sáng, HNX-Index cũng thu hẹp mức giảm còn 0.61 điểm, tức 0.81% chốt tại 74.29 điểm. Giao dịch chỉ bằng 1/2 so với phiên trước, đạt 15.29 triệu đơn vị, tương đương 168.56 tỷ đồng. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu giảm giá lại mở rộng hơn, với 177 mã, còn lại có 32 mã tăng nhẹ và 191 mã đứng yên.

HNX-Index phiên buổi chiều có lúc giảm về sát mức 73 điểm, tuy nhiên đến cuối phiên, áp lực bán thu hẹp giúp biên độ giảm của HNX-Index rút lại còn 0.82 điểm, tương ứng 1.09% chốt tại 74.08 điểm. Giao dịch ở mức trung bình với 35.6 triệu đơn vị, tương đương 371.75 tỷ đồng. PVX và SCR phiên này đều đạt trên 3 triệu đơn vị khớp lệnh mỗi mã.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 1 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và 25 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PCG (giảm 6,67%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,99% và tổng khối lượng giao dịch đạt 9,843 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 19/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,600.0	100	↓ -6.67	0.49	15.14	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	3,800.0	59,100	↓ -5.00	0.37	34.55	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,800.0	98,500	↓ -1.69	0.34	0.57	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22,800.0	246,900	↓ -1.72	1.87	1.52	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,800.0	130,400	↓ -2.29	1.19	8.10	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,800.0	-	→ 0.00	0.53	3.20	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,400.0	191,000	↓ -3.57	0.53	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	16,000.0	82,100	↓ -1.84	0.95	2.39	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,700.0	37,750	↓ -0.85	2.05	5.34	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,300.0	320,300	↓ -2.38	0.79	8.85	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,400.0	6,000	↓ -1.08	0.79	9.29	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,400.0	2,500	↓ -1.54	0.61	3.00	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,900.0	555,700	↓ -1.24	1.34	4.25	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,300.0	3,978,265	↓ -3.74	0.45	3.87	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	37,900.0	297,540	→ 0.00	3.06	12.15	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,400.0	983,730	↓ -1.15	2.06	5.56	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,700.0	23,470	↓ -0.36	1.27	3.37	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	8,400.0	109,830	↑ 1.20	0.72	6.13	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,500.0	164,440	↓ -2.34	0.71	3.08	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	34,000.0	47,100	↓ -0.29	1.66	4.80	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,700.0	249,480	↓ -3.39	0.56	4.42	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,400.0	189,016	↓ -2.48	1.20	6.95	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,100.0	1,510,960	↓ -3.68	1.15	16.58	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,800.0	341,060	↓ -1.69	0.59	52.73	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,000.0	119,020	↓ -4.11	0.67	4.67	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,600.0	24,490	↓ -1.49	0.60	3.44	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,400.0	28,060	↓ -0.87	0.86	3.42	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,700.0	46,540	↓ -1.47	0.61	4.41	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SSI	22,400	21,900	-2.23	26,007,249
OGC	14,600	13,900	-4.79	25,104,283
PVF	13,600	13,100	-3.68	19,992,811
CSM	28,400	27,500	-3.17	18,325,360
ITA	7,600	7,400	-2.63	19,386,726

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VND)
SCR	15,000	14,700	-2.00	45,115
PVX	10,700	10,300	-3.74	41,143
VND	12,000	11,700	-2.50	35,001
VCG	12,700	12,400	-2.36	18,375
PTI	12,900	13,000	0.78	17,503

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TAC	41,000	43,000	2,000	4.88
CMT	6,200	6,500	300	4.84
KDH	15,800	16,500	700	4.43
FBT	11,500	12,000	500	4.35
CTI	12,000	12,500	500	4.17

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VDL	34,500	36,900	2,400	6.96
GMX	10,300	11,000	700	6.80
VC7	7,500	8,000	500	6.67
PTM	7,500	8,000	500	6.67
MKV	9,000	9,600	600	6.67

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VKP	900	800	-100	-11.11
VSG	1,900	1,800	-100	-5.26
KSA	16,000	15,200	-800	-5.00
DXV	6,000	5,700	-300	-5.00
PTB	14,100	13,400	-700	-4.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TET	13,000	12,100	-900	-6.92
SDB	3,000	2,800	-200	-6.67
SDY	3,000	2,800	-200	-6.67
PCG	6,000	5,600	-400	-6.67
VBH	16,500	15,400	-1,100	-6.67

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VCB	92,113	VCB	98,156
CTG	68,007	CTG	67,409
BVH	43,807	BVH	43,451
VIC	41,684	VIC	42,797
DPM	28,373	DPM	26,352

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VND)	Mã	GT bán (triệu VND)
VCG	6,026	VCG	6,026
SHB	4,950	SHB	4,950
PVX	4,825	PVX	4,300
DBC	1,499	AAA	1,067
KHL	443	VNR	871

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339